

Bản án số **01** /2020/DS-ST

Ngày 08.01.2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Trịnh Văn Bạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Đình Q – Sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ 197, phường H, quận L, Tp Đ, (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy N – Sinh năm: 1985. Địa chỉ: 33 đường H 4, tổ 114, phường H, quận L, Tp Đ, (Vắng mặt, không có lý do).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Kim K – Sinh năm 1982. Địa chỉ: K86/H8/01 N, phường H, quận L, TP. Đ, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện gửi tới Tòa án ngày 01 tháng 6 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Phan Đình Q trình bày:*

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2019, bà Nguyễn Thị Thùy N có đến vay ông Q số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) với thời hạn trả là ngày 03.10.2019 (sau 20 ngày theo giấy mượn tiền). Nhưng đến ngày hẹn thanh toán thì bà Nguyễn Thị Thùy N không thực hiện việc trả nợ cho ông Q theo thỏa thuận, đồng thời hứa hẹn trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện. Nhận thấy bà N không có thái độ trả nợ nên ông Q yêu cầu Tòa án buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Q số tiền đã mượn là 600.000.000 đồng

** Tại Bản tự khai ngày 13 tháng 7 năm 2020 bị đơn – bà Nguyễn Thị Thùy N trình bày:*

Bà N xác nhận vào ngày 13.9.2019 có ký vào giấy mượn tiền với nội dung mượn số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) nhưng trong Giấy mượn tiền không thể hiện là mượn số tiền trên của ai. Sự việc này liên quan đến việc bà N yêu cầu bà Lê Thị Kim K đưa bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Bà N không nhận số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) từ ông Phan Đình Q. Việc thỏa thuận mượn số tiền trên là giữa ông Q và bà Kh.

** Trong đơn trình bày đề ngày 16.12.2020 gửi đến Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu ngày 28.12.2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Kim Kh trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 7.2019 đến tháng 9.2019, bà Lê Thị Kim Kh có mượn của bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 01.10.2019 sẽ trả đủ cho bà N. Nhưng đến ngày 13.9.2019, bà N cần tiền gấp nên bà Kh mượn ông Phan Đình Q số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), số tiền này bà Kh nhận trực tiếp từ ông Q và giao luôn cho bà N. Bà N nhận đủ số tiền trên và ký giấy mượn tiền với ông Q. Bà Lê Thị Kim Kh làm đơn gửi lên Tòa với mong muốn được hoàn trả số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) Phan Đình Q.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tham gia các phiên hòa giải, giao nộp chứng cứ và các phiên tòa là thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73, 234 BLTTDS

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thùy N thừa nhận mình đã ký vào giấy vay tiền ngày 13/9/2019 với ông Phan Đình Q và đã nhận số tiền 600.000.000 đồng. Ông Q xác nhận đã trực tiếp đưa số tiền 600.000.000 đồng cho bà N. Do đó, việc ông Q khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền vay 600.000.000 đồng là có cơ sở và cần được chấp nhận. Việc bà N cho rằng khoản nợ 600.000.000 đồng liên quan đến bà Kh nhưng không có chứng cứ chứng đề loại trừ nghĩa vụ trả nợ của mình đối với ông Q. Đồng thời, ông Q cũng không đồng ý chuyển giao nghĩa vụ trả nợ. Nếu giữa bà N và bà K có tranh chấp thì sẽ khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác. Trên cơ sở đó, căn cứ Điều 463, 465 BLDS Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy N phải trả cho bà Phan Đình Q số tiền là 600.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện, ông Phan Đình Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy N phải trả 600.000.000 đồng và bà N hiện đang cư trú tại K86H8/01 N, phường H, quận L, Tp Đ nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, ngày 07/01/2021, Tòa án có nhận đơn yêu cầu tạm dừng phiên tòa ngày 08/01/2021 của bà N với lý do lấy lời khai và thu thập chứng cứ có liên quan đến bà Lê Thị Kim Kh và bà N vắng mặt, HĐXX thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã bổ sung người tham gia tố tụng đối với bà Lê Thị Kim Kh tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó lý do của bà N nêu ra không phù hợp với quy định pháp luật, việc vắng mặt của bà Kh không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án này nên HĐXX không chấp nhận đề nghị của bà N. Đồng thời, bà N vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung: Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn bị đơn, HĐXX xác định các sự kiện pháp lý như sau:

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2019, bà Nguyễn Thị Thùy N đã ký vào giấy mượn tiền với nội dung, mượn 600.000.000 đồng và hẹn sẽ trả trong vòng 20, kể từ ngày mượn (13/9/2019). Do đó, HĐXX xác định giao dịch giữa ông Q và bà N là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 470 BLDS.

Tại phiên tòa, bà N cho rằng, số tiền 600.000.000 đồng này là tiền bà Lê Thị Kim Kh trả nợ cho bà N, không phải tiền bà N mượn của ông Q. Tuy nhiên, sự việc này không được ông Q chấp nhận, ông Q khai ông Q trực tiếp đưa tiền mượn cho bà N và bà N ký giấy mượn, việc này không liên quan gì đến bà Kh. Căn cứ vào bản chính giấy mượn tiền cho ông Q cung cấp, bà N ký vào giấy mượn tiền. Bà N là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện ký vào giấy mượn tiền. Do đó, bà N phải chịu trách nhiệm đối với chữ ký của mình. Mặt khác, hai bên thỏa thuận trong vòng 20 ngày, kể từ ngày 13/9/2019, tức là đến ngày 03/10/2019 đến thời hạn trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, HĐXX xác định bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 BLDS.

Mặc dù, không có mặt tại phiên tòa, nhưng bà N và bà Kh có nguyện vọng là bà Kh thay mặt bà Nh trả khoản tiền vay cho ông Q. Tuy nhiên, ông Q không đồng ý với việc chuyển giao nghĩa vụ này và bà Kh chỉ cung cấp bản pho to ý kiến trình bày của mình, không có giá trị pháp lý nên HĐXX không có cơ sở để công nhận việc chuyển giao nghĩa vụ này. Bà N có quyền khởi kiện bà Kh một vụ án dân sự khác, nếu có đủ tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – bà Nguyễn Thị Thùy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 35, 39, 227, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 13, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình Q đối với bà Nguyễn Thị Thùy N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy N phải thanh toán cho ông Phan Đình Q số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*) bà Nguyễn Thị Thùy N phải chịu.

Hoàn trả cho ông Phan Đình Q số tiền tạm ứng án phí 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0004440 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Vinh